

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

Số 04.2022



TIN TỨC - SỰ KIỆN

01 Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

02 Một số cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp liên quan đến lãnh vực khoa học và công nghệ

03 Chuyển đổi số - Động lực cho sự phát triển của tỉnh Lâm Đồng

04 Tổng quan về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và kết quả PCI tỉnh Lâm Đồng năm 2021

05 Hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

06 Hoạt động cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

07 Công nghệ mới - Sản phẩm mới

08 Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI

09 Sản xuất thông minh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

Số 04.2022



TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 35 Trần Hưng Đạo, Phường 10,
thành phố Đà Lạt

Điện thoại: 0263 3833163

Fax: 0263 3833155

Email: thongtinkhcnlamdong@gmail.com

Website: <http://skhcn.lamdong.gov.vn>

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG



Hội đồng đánh giá và phân hạng sản phẩm OCOP tỉnh Lâm Đồng

CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM GIAI ĐOẠN 2021-2025

Ngày 01/8/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 919/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) giai đoạn 2021-2025 nhằm khơi dậy tiềm năng, lợi thế khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân; góp phần tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ và du lịch nông thôn; thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững, trên cơ sở tăng cường ứng dụng chuyển đổi số và kinh tế tuần hoàn, bảo tồn các giá trị văn hóa, quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan và môi trường nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững.

Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025, phấn đấu ít nhất 10.000 sản phẩm OCOP được công nhận

đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có khoảng 400-500 sản phẩm OCOP đạt 5 sao.

- Củng cố và nâng cấp ít nhất 50% sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng; ưu tiên phát triển sản phẩm OCOP gắn với thương hiệu sản phẩm, hỗ trợ phát triển dịch vụ du lịch nông thôn.

- Ưu tiên phát triển các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, phấn đấu ít nhất có 40% chủ thể OCOP là hợp tác xã, 30% chủ thể là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Có ít nhất 30% các chủ thể OCOP xây dựng được chuỗi giá trị theo hướng kinh tế tuần hoàn, OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu ổn định; trong đó ưu tiên các sản phẩm OCOP đã được đánh giá và phân hạng.

- Có ít nhất 50% làng nghề truyền thống có sản phẩm OCOP, góp phần bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ phù hợp làm việc tại các chủ thể OCOP đạt tối thiểu 20%; phần đầu có ít nhất 40% chủ thể OCOP là nữ, ít nhất 20% chủ thể OCOP là người dân tộc thiểu số điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Có ít nhất 50% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử...); phần đầu mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có 01 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

- Diễn đàn hợp tác quốc tế mỗi làng/xã một sản phẩm được tổ chức ít nhất 1 lần/năm nhằm nâng cao và khẳng định thương hiệu OCOP Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

Đối tượng thực hiện

- **Chủ thể thực hiện:** các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh. Đối với nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch, chủ thể gồm các đối tượng trên và hội/hiệp hội, trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương.

- **Sản phẩm:** gồm các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ du lịch có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị văn hóa, lợi thế của địa phương; đặc biệt là các sản phẩm đặc sản vùng miền, sản phẩm làng nghề, dịch vụ du lịch dựa trên các thế mạnh, lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn nguyên liệu, tri thức và văn hóa bản địa.

Sản phẩm được phân theo 6 nhóm, gồm:

+ Nhóm thực phẩm: nông, thủy sản tươi sống; nông, thủy sản sơ chế, chế biến và các thực phẩm khác.

+ Nhóm đồ uống: đồ uống có cồn; đồ uống không cồn.

+ Nhóm dược liệu và sản phẩm từ dược liệu: sản phẩm chức năng, thuốc dược liệu, thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm có thành phần từ thảo dược, tinh dầu và dược liệu khác.

+ Nhóm hàng thủ công mỹ nghệ: các sản phẩm từ gỗ, sợi tự nhiên, kim loại, gốm sứ, dệt may, thêu ren... làm đồ lưu niệm, đồ trang trí, đồ gia dụng.

+ Nhóm sinh vật cảnh: hoa, cây cảnh, động vật cảnh.

+ Nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

Giai đoạn 2021-2025 tập trung phát triển sản phẩm OCOP gắn với xây dựng vùng nguyên liệu nông sản, dược liệu đặc trưng được cấp mã số vùng trồng, theo hướng sản xuất hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, tiết kiệm tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, đảm bảo an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, duy trì cảnh quan nông thôn và bảo vệ môi trường. Xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình chấm điểm, phân hạng sản phẩm; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị OCOP gắn với giám sát - chứng thực của công tác quản lý nhà nước; thúc đẩy hệ thống thương mại điện tử OCOP, hình thành các sàn thương mại

điện tử quy mô lớn, các kênh bán hàng trực tuyến, bán hàng trực tiếp, đặc biệt là với các sản phẩm thủ công, sản phẩm đặc sản của địa phương.

Cùng với đó, nâng cao năng lực hệ thống hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP thông qua việc xây dựng các trung tâm khởi nghiệp và phát triển sản phẩm OCOP gắn với chương trình khởi nghiệp, quảng bá, giới thiệu và thương mại sản phẩm OCOP ở các vùng, miền trên cả nước, thu hút sự tham gia của các chủ thể, kết nối du lịch. Xây dựng tiêu chí, tổ chức nâng cao năng lực và quản lý mạng lưới tư vấn nhằm xây dựng mạng lưới tư vấn Chương trình OCOP chuyên nghiệp, có kinh nghiệm, năng lực toàn diện, đoàn kết và thống nhất trong hỗ trợ triển khai chương trình trên cả nước. Nâng cao năng lực hệ thống các cơ sở đào tạo nghề gắn với Chương trình OCOP; các trung tâm thiết kế, sáng tạo và phát triển sản phẩm OCOP; điều chỉnh, bổ sung các quy định về đào tạo nghề (khung chương trình, nội dung đào tạo nghề, độ tuổi học nghề...) gắn với sản phẩm OCOP; tăng cường năng lực cho cán bộ nông nghiệp ở các địa phương (khuyến nông, khuyến công). Tăng cường, nâng cao năng lực cho chủ thể OCOP về năng lực cộng đồng và tinh thần hợp tác; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, kỹ năng quản trị; đổi mới, sáng tạo về sản phẩm; quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm; kỹ năng về thiết kế bao bì, ghi nhãn và mã sản phẩm; sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị, tăng cường sử dụng và khai thác thương hiệu cộng đồng các sản phẩm từ khu vực nông thôn...

Để hiện thực hóa các mục tiêu trên; xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hóa, thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, mang lại sự chuyển biến tích cực rõ nét hơn về đời sống của cư dân nông thôn, Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025 đặt ra nhiều giải pháp để thúc đẩy vấn đề chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ, tập trung đổi mới sáng tạo,... góp phần phát triển và nâng cao giá trị sản phẩm trong Chương trình OCOP. Một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của các sản phẩm trong Chương trình OCOP là đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới, hoàn thiện công nghệ chế biến quy mô nhỏ và vừa, đặc biệt là các sản phẩm OCOP đã được công nhận đạt sao; tăng cường chuyển giao ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, kết nối thị trường, truy xuất nguồn gốc; xây dựng nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ sản xuất và hoạt động giám sát, đánh giá sản phẩm OCOP; thúc đẩy áp dụng các giải pháp về bảo hộ và khai thác hiệu quả giá trị tài sản trí tuệ (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận) cho sản phẩm OCOP, nhất là các sản phẩm OCOP cấp quốc gia... Qua đó, góp phần phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương.

Chương trình OCOP là chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp và nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững.

BBT tổng hợp



MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*Phòng Quản lý công nghệ và chuyên ngành
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng*

Cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng công nghệ

Đối với các chương trình khoa học và công nghệ, nhiệm vụ cấp quốc gia

Doanh nghiệp có thể đề xuất triển khai các dự án khoa học và công nghệ thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025 theo Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 của Thủ tướng

Chính phủ; đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp quốc gia; nhiệm vụ cấp thiết của địa phương do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý (trình tự, thủ tục thực hiện theo Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 về quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).

Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

Thực hiện theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định quản lý

nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng; Kế hoạch số 7886/KH-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh Lâm Đồng về Phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

Địa chỉ liên hệ: Phòng Quản lý khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng. Tầng 9, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0263 3822106

Hỗ trợ về lĩnh vực sở hữu trí tuệ

Hỗ trợ sử dụng, nhãn hiệu chứng nhận đã được cấp văn bằng bảo hộ

Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng có 15 nhãn hiệu chứng nhận đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp văn bằng bảo hộ, gồm: Đà Lạt - Kết tinh kỳ diêu từ đất lành; Rau Đà Lạt; Hoa Đà Lạt; Dâu tây Đà Lạt; Hồng Đà Lạt; Cà phê Cầu Đất Đà Lạt; Cà phê Arabica Lang Biang; Mác mác Đơn Dương; Dứa Cayenne Đơn Dương; Cà phê Di Linh; Trà B'laho;

Tơ lụa Bảo Lộc; Sầu riêng Đạ Huoai; Diệp hạ châu Cát Tiên; Gạo nếp quýt Đạ Tẻh.

Tổ chức, cá nhân có các sản phẩm nêu trên đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định sẽ được cấp quyền sử dụng để gắn lên sản phẩm của mình nhằm giúp người sản xuất bảo vệ được danh tiếng, chất lượng sản phẩm; đồng thời, giúp người tiêu dùng nhận biết được nguồn gốc, chất lượng sản phẩm khi lựa chọn.

Địa chỉ liên hệ cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận: Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước

- Đăng ký bảo hộ trong nước
- + Đối với đơn đăng ký bảo hộ sáng chế và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 30 triệu đồng/đơn (trường hợp đã có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ).
- + Đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu: 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ.
- Đăng ký bảo hộ ở nước ngoài

Đơn đăng ký bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu; đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới: 60 triệu đồng/đơn được chấp nhận hợp lệ, các văn bản tương ứng theo quy định của tổ chức quốc tế hoặc quốc gia nộp đơn.

Hồ sơ đề nghị

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ về Sở Khoa học và Công nghệ, gồm:

- + Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí.
- + Bản sao Quyết định chấp nhận đơn

hoặc văn bằng bảo hộ do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ngoài nước cấp.

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức) hoặc chứng minh nhân dân/căn cước công dân (đối với cá nhân) có công chứng.

Mức hỗ trợ

Theo quy định tại Nghị quyết số 109/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Lâm Đồng về Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa và nhiệm vụ thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ đến năm 2030.

Địa chỉ liên hệ: Phòng Quản lý công nghệ và chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng. Tầng 9, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0263 3833161

Hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Nội dung

- Tổ chức các lớp tập huấn về năng suất, chất lượng cho cán bộ của các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

- Hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, khu vực, nước ngoài, hiệp hội như: ISO 9001, ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, BRC, ISO 14001, ISO 45001, ISO 50001, ISO 56000, tiêu chuẩn hữu cơ, 4C, Rainforest, UTZ, Fairtrade, tiêu chuẩn Halal, truy xuất nguồn gốc... và tương đương.

- Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng như 5S, nhóm kiểm soát chất lượng (QCC), 7 công cụ thống kê, Kaizen, duy trì vệ sinh tốt (GHK), quản lý chất lượng toàn diện (TQM), sản xuất tinh gọn, 6 sigma, quản

lý chi phí dòng nhiên liệu (MFCA), bố trí mặt bằng (Layout), các công cụ đo lường năng suất; các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh... và tương đương.

- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy.

- Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo về chi phí thử nghiệm sản phẩm mới.

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp.

Mức hỗ trợ

Nội dung hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành có liên quan hoặc theo khoản 4, Điều 2 Nghị quyết số 109/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Phòng Nghiệp vụ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng. Số 18 Trần Phú, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0263 3532247; Fax: 0263 3827508; Email: pqltcccl@lamdong.gov.vn

Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (DNNVV KNST)

Nội dung

- Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.
- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới.
- Hỗ trợ về ứng dụng, công nghệ.
- Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa.
- Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.

Tiêu chí xác định DNNVV KNST

DNNVV KNST được xác định theo một trong các tiêu chí sau:

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, phần mềm máy tính, ứng dụng trên điện thoại di động, điện toán đám mây, giống vật nuôi, cây trồng, thủy sản, cây lâm nghiệp mới.
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm được tạo ra từ các dự án sản xuất thử nghiệm, sản phẩm mẫu và hoàn thiện công nghệ; sản xuất, kinh doanh sản phẩm đạt giải tại các cuộc thi khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, quốc tế và các giải thưởng về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về giải thưởng khoa học và công nghệ.
- Có giải pháp công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới có khả năng tăng trưởng doanh thu của doanh nghiệp đạt tối thiểu

20% trong 2 năm liên tiếp trên cơ sở phân tích các yếu tố thị phần, khả năng phát triển của sản phẩm, dịch vụ và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Phương thức lựa chọn DNNVV KNST để hỗ trợ

DNNVV KNST được lựa chọn để hỗ trợ theo một trong các phương thức sau:

- Doanh nghiệp có giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo; hoặc được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế; hoặc được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Doanh nghiệp đã được đầu tư hoặc cam kết đầu tư bởi các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; được hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ bởi các khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Thông qua Hội đồng xét chọn các ý tưởng, phương án khởi nghiệp của tỉnh Lâm Đồng.

Thành phần hồ sơ đề nghị

Gồm 1 trong các tài liệu sau:

- Giấy chứng nhận đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo. Giấy chứng nhận có thời gian không quá 05 năm tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

- Văn bằng bảo hộ đối với sáng chế hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao với điều kiện các tài liệu này vẫn còn thời hạn tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ.

- Hợp đồng góp vốn hoặc văn bản xác nhận khoản đầu tư của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo có giá trị tối thiểu 1 tỷ đồng; thời điểm đầu tư không quá 5 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ.

- Văn bản cam kết của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo với khoản đầu tư tối thiểu 500 triệu đồng và thời điểm cam kết không quá 1 năm đến khi DNNVV nộp hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ.

- Văn bản xác nhận hoặc hợp đồng thể hiện đang thực hiện hỗ trợ cho DNNVV KNST của các khu làm việc chung, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, trung tâm đổi mới sáng tạo; hoặc văn bản cam kết hoặc hợp đồng thể hiện sẽ hỗ trợ cho DNNVV KNST. Thời điểm xác nhận, cam kết hỗ trợ không quá 6 tháng tính đến thời điểm DNNVV nộp hồ sơ đề xuất hỗ trợ.

Mức hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Kế hoạch số 9025/KH-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025”.

Địa chỉ liên hệ: Phòng Quản lý công nghệ và chuyên ngành, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng. Tầng 9, Trung tâm Hành chính tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0263 3833161

Hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng

Đối tượng cho vay

Các doanh nghiệp, tổ chức có dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhưng không thuộc các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong kế hoạch của Nhà nước, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội đối với tỉnh và không được trùng lặp với các dự án đã được các Chương trình, Quỹ khác thuộc ngân

sách nhà nước cho vay.

Thời hạn cho vay

Tối đa 36 tháng.

Số tiền cho vay

Tối đa 70% tổng mức đầu tư của dự án nhưng không quá 3 tỷ đồng.

Lãi suất

Mức lãi suất cho vay 5%/năm; mức lãi suất cụ thể tùy thuộc vào đặc điểm của từng dự án và do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

Bảo đảm tiền vay

Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo

đảm bằng các hình thức cầm cố tài sản, thế chấp tài sản và những biện pháp đảm bảo khác nếu có theo quy định của pháp luật

Các ưu đãi về tín dụng

Lãi suất cố định trong suốt thời gian vay vốn thực hiện dự án. Thời gian trả gốc được ân hạn 12 tháng đầu.

Hồ sơ vay vốn

Theo mẫu tại Quyết định 2667/QĐ-HĐQLQ ngày 01/12/2016 của Hội đồng Quản lý Quỹ, gồm:

- Đơn đề nghị vay vốn (theo mẫu).
- Thuyết minh dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (theo mẫu).
- Hồ sơ pháp lý.
- Hồ sơ năng lực.
- Hồ sơ tài sản đảm bảo.
- Các tài liệu khác theo quy định của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng. Tầng 9, Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng - 36 Trần Phú, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0263 3821377

CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LÂM ĐỒNG

CẨM NANG CHUYỂN ĐỔI SỐ TIN TỔNG HỢP THÔNG TIN CHUYỂN ĐỔI SỐ HỢP TÁC-CHUYỂN GIAO THƯ VIỆN HIẾN KẾ GÓP Ý

Thứ tư, 15/06/2022, 08:40:20

Tim kiếm

LÂM ĐỒNG CHUYỂN ĐỔI SỐ

Hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản

14/06/2022, 14:20:00

Chiều 6/4, Hội Nông dân tỉnh Lâm Đồng và Bưu điện tỉnh Lâm Đồng đã tổ chức lễ ký kết thỏa thuận hợp tác về việc hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, nâng cao giá trị nông sản năm 2022.

TIN TỨC KHÁC

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tập huấn phát triển Chính phủ điện tử
- Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể, mục tiêu, động lực của chuyển đổi số
- Khát vọng sáng tạo đóng góp giải pháp công nghệ cho đồng tiền số quốc gia
- Các hình thức thanh toán trong thương mại điện tử phổ biến nhất hiện nay

DTI
Thông tin Đánh giá
Xếp hạng Chuyển đổi số

T63 Digital Stories
CÂU CHUYỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ của 63 tỉnh, thành phố

DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

CHUYỂN ĐỔI SỐ - ĐỘNG LỰC CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH LÂM ĐỒNG

TRƯƠNG THỊ THÙY ANGA

Trung tâm Tích hợp dữ liệu và chuyển đổi số

Từ thực tiễn triển khai chuyển đổi số thời gian qua, có thể coi năm 2020 là năm khởi động nhận thức về chuyển đổi số; năm 2021 là năm bắt đầu triển khai, trải nghiệm về chuyển đổi số trong bối cảnh đại dịch; năm 2022 là năm đẩy mạnh chuyển đổi số theo hướng lấy người dân làm trung tâm, toàn dân và toàn diện.

Chuyển đổi số là yêu cầu tất yếu khách quan, là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng vừa cấp bách, vừa lâu dài của hệ thống chính trị và toàn xã hội. Chuyển đổi số mang lại cả cơ hội và thách thức đòi hỏi các cấp, ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân phải thay đổi để phù hợp với sự tiến bộ của

công nghệ, khoa học kỹ thuật, áp dụng mạnh mẽ thành tựu tiên tiến của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội, nhất là một số ngành, lĩnh vực trọng điểm có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho quá trình tăng trưởng. Thực hiện chuyển đổi số kết hợp chặt chẽ giữa sáng tạo và phát huy nội lực, hướng đến sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng. Theo đó, ngày 25/5/2022, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Nghị quyết nêu rõ: xác định người dân là trung tâm chuyển đổi số. Tăng cường

công khai, minh bạch, khuyến khích sự tham gia và giám sát của người dân, cộng đồng trong hoạch định và thực thi chính sách. Giảm thủ tục hành chính, cung cấp các dịch vụ công theo phương thức số, thuận tiện, dễ sử dụng. Trang bị kỹ năng số cho người dân, xây dựng và hình thành văn hóa số trong xã hội.

Tỉnh Lâm Đồng cũng đã xây dựng trang thông tin điện tử “Chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng” tại địa chỉ <https://chuyendoiso.lamdong.gov.vn>. Đây là kênh chính thức tổng hợp thông tin liên quan đến kế hoạch, chương trình chuyển đổi số, các hoạt động và kết quả chuyển đổi số của địa phương. Thông qua đó, người dân, doanh nghiệp, tổ chức có thể tìm kiếm các ứng dụng, hệ thống dịch vụ công đang được cung cấp trên nền tảng số cũng như đề xuất ý kiến, đóng góp phương án liên quan đến hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

Đối với tỉnh Lâm Đồng, tầm nhìn, chủ trương được xác định rõ, nhất quán trong những nghị quyết của Tỉnh ủy và được thể chế hóa kịp thời trong các văn bản của HĐND, UBND tỉnh; cam kết và quyết tâm của lãnh đạo tỉnh. Các cơ chế, chính sách thường xuyên được cập nhật, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn, có nội dung cụ thể đối với việc hỗ trợ cho hoạt động triển khai chuyển đổi số. Đặc biệt, không chỉ triển khai số trong các cơ quan hành chính (chính quyền), Tỉnh ủy Lâm Đồng còn chỉ đạo các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn phải tiên phong trong chuyển đổi số, góp phần lan tỏa tinh thần

chuyển đổi số mạnh mẽ, toàn diện hơn.

Kết quả triển khai chính quyền điện tử, thành phố thông minh và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh cho thấy, có một số hạng mục, tiêu chí quan trọng đạt kết quả khả quan, làm cơ sở cho việc triển khai chuyển đổi số trong thời gian đến. Kết quả và kinh nghiệm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh có thể được kế thừa và tiếp tục phát huy; hầu hết các chỉ số đo lường (KPI) liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chính quyền điện tử,... đều đạt cao hơn mức trung bình của toàn quốc, đồng thời tỉnh Lâm Đồng đã xây dựng, áp dụng một số sản phẩm, ứng dụng theo hướng chuyển đổi số.

Ngoài ra, tỉnh Lâm Đồng đã hình thành nền công nghiệp ICT (doanh nghiệp, nhân lực, sản phẩm, thị trường), đặc biệt là tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số cao; ý chí và sự lớn mạnh của cộng đồng doanh nghiệp tại địa phương đã giúp làm chủ công nghệ và triển khai thành công nhiều sản phẩm. Hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo đang hình thành và phát triển. Hiện tỉnh đang tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp công nghệ cao, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo..., qua đó sẽ tạo thêm động lực cho hoạt động chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, tỉnh Lâm Đồng còn có nguồn nhân lực (gồm nguồn nhân lực công nghệ thông tin) trẻ, ham học hỏi, sáng tạo và thích ứng nhanh.

Dân số và quy mô hành chính của tỉnh

Lâm Đồng không quá lớn, tỷ lệ đô thị hóa cao, thuận lợi trong triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin; đồng thời, nhu cầu đầu tư đối với công nghệ thông tin cũng như thực hiện chuyển đổi số phù hợp với khả năng ngân sách của tỉnh.

Tỷ lệ ứng dụng công nghệ trong xã hội ở mức cao; tỷ lệ thuê bao viễn thông, đặc biệt là sử dụng internet, điện thoại thông minh trong người dân, doanh nghiệp cao; sự tham gia, hưởng ứng tích cực của doanh nghiệp và cộng đồng xã hội cùng với chính quyền trong xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh.

Nhược điểm trong thực hiện chuyển đổi số tại Lâm Đồng

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa đồng bộ, tương thích với cơ quan hành chính nhà nước. Một số thủ trưởng đơn vị chưa xác định cần phải có hệ thống/ứng dụng để nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan.

- Các công nghệ mạng mới chưa sẵn sàng (5G, LoRa,...); tính khả dụng của dữ liệu còn thấp; tài nguyên dữ liệu số chưa khai thác hiệu quả, nhất là phân tích thông minh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; năng lực, trình độ công nghệ, tài chính của doanh nghiệp còn thấp; đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới công nghệ, sáng tạo trong doanh nghiệp chưa cao. Doanh nghiệp ICT chủ yếu gia công, lắp ráp, thâm dụng lao động.

- Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp còn bị động; thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử ở mức thấp; tự phát theo xu hướng chung toàn quốc, chưa có yếu tố “dẫn dắt”.

- Đào tạo nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông chưa đáp ứng nhu cầu.

Những thách thức trong chuyển đổi số của tỉnh Lâm Đồng

Khó khăn lớn nhất của chuyển đổi số là thay đổi thói quen từ truyền thống sang sử dụng công nghệ số, dữ liệu số, hoạt động trên môi trường số. Thách thức lớn nhất của chuyển đổi số là có nhận thức đúng. Thay đổi thói quen và tư duy phụ thuộc chủ yếu vào quyết tâm của người đứng đầu.

Chuyển đổi số là chuyện chưa có tiền lệ, sẽ phát sinh nhiều mối quan hệ mới, những mối quan hệ và mô hình truyền thống có thể bị gián đoạn hoặc chấm dứt. Chưa có hướng dẫn cụ thể của Chính phủ về nội dung xây dựng chính sách thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) theo chủ trương tại Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; do đó, địa phương chưa có căn cứ để triển khai.

Chuyển đổi số là áp dụng công nghệ mới và mô hình mới, nhất là công nghệ 4.0, thậm chí có công nghệ, mô hình chưa được áp dụng thực tế tại Việt Nam. Vì vậy, việc áp dụng mô hình, công nghệ phù hợp (không phải hiện đại nhất) để

đảm bảo hài hòa giữa giải quyết bài toán đặt ra, chi phí, hiệu quả và thuận tiện trong sử dụng, khai thác cần được đánh giá, lựa chọn kỹ lưỡng.

Tỉnh Lâm Đồng đã trải qua nhiều năm xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh; đã hình thành và tồn tại một số hệ thống thông tin với nhiều loại công nghệ trong các cơ quan, tổ chức. Do đó, nhiệm vụ vừa phải chuyển đổi công nghệ cũ nhưng vừa đảm bảo tính kế thừa, vừa đảm bảo tính liên thông giữa hệ thống mới và cũ là một thách thức không nhỏ trong điều kiện về ngân sách nhà nước như hiện nay.

Với sự phổ biến của công nghệ số và ra đời các mô hình kinh doanh mới,

nguy cơ mất việc làm khi người lao động không được đào tạo lại, đào tạo nâng cao kịp thời để bắt kịp các yêu cầu về kỹ năng mới. Vì vậy, chuyển đổi số vừa đảm bảo mục tiêu phát triển vừa đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau. Cần có cơ chế, chính sách, hành động cụ thể để rút ngắn khoảng cách và đảm bảo mục tiêu công bằng, an sinh xã hội.

Đa số người dân chưa có đủ kỹ năng số cần thiết, chưa đủ niềm tin vào dịch vụ qua mạng nói chung và thanh toán, giao dịch qua mạng nói riêng. An toàn, an ninh mạng, dữ liệu, dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư cá nhân của con người trên không gian mạng đang bị đe dọa.



TỔNG QUAN VỀ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) VÀ KẾT QUẢ PCI TỈNH LÂM ĐỒNG NĂM 2021

TÔ VĂN SANH

Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Lâm Đồng

Ngày 27/4/2022, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2021. Đây là báo cáo PCI năm thứ 17 về đánh giá chất lượng điều hành kinh tế của 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Tham gia trả lời điều tra PCI 2021 có 11.312 doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân từ 63 tỉnh, thành phố và 1.185 doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Hoạt động này nhằm thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia từ năm

2019 đến nay.

Kết quả PCI 2021 cho thấy xu hướng chung là các địa phương tiếp tục có nhiều nỗ lực trong việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp. Năm 2021 là năm thứ 5 liên tiếp tỉnh trung vị PCI có điểm số trên 60 điểm trên thang điểm 100.

Có 9 xu hướng chính từ điều tra PCI 2021 gồm:

Môi trường kinh doanh Việt Nam năm 2021 đã có chuyển biến tích cực so với những năm trước đây. Lĩnh vực thành lập

doanh nghiệp có sự cải thiện lớn nhất, tiếp đến là lĩnh vực tiếp cận điện năng. Các doanh nghiệp cũng đánh giá tương đối tích cực những cải cách trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, đăng ký tài sản, đảm bảo thực thi hợp đồng và thủ tục thuế. Một lĩnh vực nữa cũng có cải thiện đáng kể trong thời gian qua nhưng cần tiếp tục đẩy mạnh là thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp.

Chính quyền tại các địa phương tiếp tục phát huy tinh thần năng động và sự ủng hộ với khu vực kinh tế tư nhân. PCI 2021 ghi nhận những đánh giá tích cực của doanh nghiệp về sự năng động, tinh thần tiên phong, thái độ làm việc có trách nhiệm và khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn trong phát triển kinh tế địa phương.

Chi phí không chính thức tiếp tục có xu hướng giảm trong hầu hết các lĩnh vực, thủ tục liên quan đến doanh nghiệp. Hoạt động phòng, chống tham nhũng đã mang lại những kết quả tích cực, tỷ lệ doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức giảm xuống 41,4%, mức thấp nhất trong vòng 16 năm qua (năm 2006 là 70%). Quy mô khoản chi phí không chính thức cũng giảm đáng kể theo thời gian khi tỷ lệ doanh nghiệp dành hơn 10% doanh thu để chi trả loại chi phí này chỉ khoảng 4,1%, thấp hơn đáng kể so với năm 2016 (9,1%).

Hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính có cải thiện nhưng vẫn cần thêm nỗ lực cải cách. Một trong những nỗ lực nổi bật về cải cách thủ tục hành chính trong những năm gần đây là việc ứng dụng

mạnh mẽ công nghệ thông tin vào cung cấp dịch vụ công. Dịch vụ công trực tuyến đang trở nên phổ biến trong giải quyết thủ tục hành chính ở các cấp, ngành. Tuy nhiên, kết quả điều tra PCI cho thấy, một số thủ tục hành chính còn gây phiền hà, khó khăn cho việc tuân thủ của doanh nghiệp. Thủ tục trong các lĩnh vực thuế, phí, đất đai, bảo hiểm xã hội, xây dựng tiếp tục là những lĩnh vực có nhiều doanh nghiệp phản ánh nhất.

Cần tiếp tục giảm gánh nặng tuân thủ đối với các thủ tục cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện. Có khoảng 61% doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép kinh doanh có điều kiện; 57% doanh nghiệp phản ánh thời gian giải quyết thủ tục lâu hơn so với quy định.

Tiếp cận đất đai còn nhiều trở ngại cần đẩy mạnh khắc phục. Điểm chỉ số thành phần Tiếp cận đất đai tiếp tục đà sụt giảm. Kết quả điều tra cho thấy, vấn đề lớn nhất nằm ở sự phức tạp của các thủ tục hành chính thuế, chuyển nhượng đất đai (42,5%). Nguyên nhân phổ biến đó là quy hoạch đất đai của địa phương chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp (39,3%). Khoảng 30,5% doanh nghiệp phản ánh “việc cung cấp thông tin dữ liệu về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng”.

Kết quả thực thi Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa còn khá khiêm tốn trên thực tiễn. Đánh giá về kết quả triển khai các chương trình trợ giúp doanh nghiệp trong khuôn khổ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) là một trong những nội

dung mới của điều tra PCI 2021, trong bối cảnh doanh nghiệp gắng sức duy trì hoạt động trong thời gian dịch bệnh Covid-19. Kết quả PCI cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp đã được hỗ trợ từ các chương trình còn khiêm tốn, dưới 8%. Chương trình hỗ trợ có tỷ lệ doanh nghiệp tiếp cận được cao nhất (7,34%) là cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chương trình có tỷ lệ doanh nghiệp được thụ hưởng thấp nhất (4,75%) là hỗ trợ giảm giá thuê mặt bằng tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, do phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa nằm bên ngoài khu công nghiệp nên không được hưởng lợi từ hỗ trợ này.

Cần tăng cường phổ biến thông tin và hướng dẫn doanh nghiệp trong vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế. Điều tra PCI 2021 đã tìm hiểu về hiện trạng doanh nghiệp tiếp cận thông tin về các hiệp định thương mại tự do (FTA), mức độ thụ hưởng với các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTA, cũng như các vướng mắc, khó khăn thường gặp phải trong lĩnh vực này. Kết quả cho thấy, mức độ nhận biết của doanh nghiệp Việt Nam về các hiệp định thương mại tự do là khá khiêm tốn. CPTPP là hiệp định thương mại tự do có tỷ lệ doanh nghiệp nhận biết cao nhất (30,19%). Tỷ lệ doanh nghiệp nhận biết được các hiệp định EVFTA và UKVFTA lần lượt là gần 29% và 14%. Mỗi quan tâm đến các hiệp định này có sự khác biệt rõ rệt giữa doanh nghiệp có định hướng xuất khẩu với doanh nghiệp kinh doanh tại thị trường trong nước.

Các doanh nghiệp đang gặp nhiều khó

khăn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh. Các vấn đề khó khăn hàng đầu mà doanh nghiệp đang gặp phải, gồm: tìm kiếm khách hàng (69%), tiếp cận vốn (47%), biến động thị trường (33%), tìm kiếm nhân sự thích hợp (28%), tìm kiếm đối tác kinh doanh (24%). Các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa vẫn là nhóm có mức độ gặp khó khăn cao hơn doanh nghiệp có quy mô lớn.

Những khó khăn trong kinh doanh cùng với tác động của dịch bệnh Covid-19 trong năm 2021 đã khiến các doanh nghiệp tự nhận trong nước dè dặt hơn khi xây dựng kế hoạch kinh doanh trong giai đoạn mới. Trong năm 2021, lần đầu tiên có đến 16,59% doanh nghiệp báo cáo dự định giảm quy mô kinh doanh hoặc đóng cửa doanh nghiệp. Đây là mức cao nhất trong lịch sử 17 năm tiến hành PCI.

Bối cảnh khác thường do các hoạt động kinh tế - xã hội bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19 trong năm 2021 đã đóng vai trò như một “phép thử” đối với khả năng quản trị địa phương của nhiều tỉnh, thành phố. Dữ liệu PCI năm 2021 cho thấy có mối tương quan thuận chiều giữa kết quả tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) và đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả ứng phó với đại dịch. Một số địa phương đã thực hiện tốt công tác ứng phó dịch bệnh, được doanh nghiệp đánh giá cao và duy trì tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn cao hơn trung bình cả nước. Tuy nhiên, trên thực tế cho thấy mức độ lây lan của dịch bệnh Covid-19 cũng như tác động về mặt kinh tế của nó tại các địa phương là khác nhau. Tác động về mặt kinh tế là

lớn hơn tại các địa phương có thể mạnh về du lịch hoặc có nhiều ngành/ngành bị ảnh hưởng bởi tình trạng tắc nghẽn chuỗi cung ứng. Do đó, các đánh giá tiêu cực của doanh nghiệp trong điều tra PCI năm vừa qua đôi khi chịu ảnh hưởng về các yếu tố kinh tế nằm ngoài tầm kiểm soát của chính quyền địa phương. Đây là nguyên nhân chính đối với hiện tượng sụt giảm mạnh về kết quả PCI 2021 tại một vài địa phương so với năm trước đó.

Báo cáo PCI 2021 cũng cho thấy, chính sách của chính quyền, biện pháp ứng phó của chính các doanh nghiệp có vai trò then chốt tác động đến khả năng chống chịu cũng như niềm tin kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả phân tích dữ liệu PCI 2021 thể hiện yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến khả năng tồn tại của doanh nghiệp là khả năng áp dụng các biện pháp duy trì hoạt động liên tục tại doanh nghiệp. Chính sách của Nhà nước là yếu tố quan trọng thứ 2 có tác động đáng kể với các doanh nghiệp. Tiếp đến, chuyển đổi số là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp tăng khả năng trụ vững trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 cũng như mở rộng quy mô kinh doanh trong thời gian tới. Điều quan trọng là những khả năng trụ vững và triển vọng mở rộng quy mô của doanh nghiệp cũng có sự khác biệt giữa các nhóm doanh nghiệp cụ thể do mỗi nhóm có khả năng, nguồn lực ứng phó, nhu cầu khác nhau. Kết quả này cho thấy sự cần thiết phải có những

chính sách trợ giúp khác nhau phù hợp cho từng nhóm doanh nghiệp.

Về kết quả PCI 2021 của tỉnh Lâm Đồng đã có sự “bức phá vượt bậc”, xếp ở vị trí 15/63 tỉnh, thành phố với 67,17 điểm (tăng 2,74 điểm và tăng 8 bậc so với năm 2020). Tỉnh Lâm Đồng được xếp vào nhóm 20 địa phương dẫn đầu Bảng xếp hạng PCI của cả nước; xếp vị trí thứ 3 trong nhóm 20 tỉnh, thành có mức điều hành Khá. Có 5/10 chỉ số thành phần tăng điểm - đây là những chỉ số có những thay đổi tích cực theo đánh giá của các doanh nghiệp, đó là:

- Tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất: đạt 7,28 điểm, tăng 0,34 điểm;
- Tính năng động và tiên phong của chính quyền: đạt 6,43 điểm, tăng 0,29 điểm;
- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp: đạt 7,34 điểm, tăng 0,94 điểm;
- Đào tạo lao động: đạt 6,53 điểm, tăng 0,73 điểm;
- Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự: đạt 7,99 điểm, tăng 1,56 điểm.

Trong 5 chỉ số thành phần tăng điểm, có 2 chỉ số có trọng số 20% (mức cao nhất) là chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và đào tạo lao động. Bên cạnh đó, cũng có 5/10 chỉ số thành phần giảm điểm là chi phí gia nhập thị trường; tính minh bạch; chi phí thời gian; chi phí không chính thức; cạnh tranh bình đẳng.



HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP

NGUYỄN HỒNG NGỌC

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng

Trong giai đoạn 2016-2020, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã thực hiện tốt chức năng tham mưu UBND tỉnh Lâm Đồng trong việc ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ phát triển, chuyển giao KH&CN; bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ; hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng KH&CN, mua bán, chuyển giao các sản phẩm KH&CN; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với các công nghệ tiên tiến, hiện đại của các nước trên thế giới. Các kết quả đạt được đã góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của tỉnh;

góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ X, nhiệm kỳ 2016-2020 đề ra.

Một số kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2016-2020, KH&CN luôn bám sát các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từ đó xác định các sản phẩm chủ lực, có tiềm năng nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao vào thực tiễn sản xuất. Trong giai đoạn này, thực hiện nghiên cứu 36 đề tài, dự án cấp tỉnh, Nhà nước; hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn; hỗ trợ đăng ký và cấp nhãn

hiệu cho 23 nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của tỉnh. Các chính sách thúc đẩy hỗ trợ, phát triển về doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa được quan tâm, đặc biệt là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Tiềm lực KH&CN được tăng cường; đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN

Ưu tiên hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN gắn với phát triển các sản phẩm của làng nghề. Qua đó, giúp vừa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, vừa mở hướng đi mới bền vững cho các làng nghề truyền thống, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương. Thông qua việc thực hiện các đề tài như: *Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới để phát triển bền vững ngành trồng dâu nuôi tằm tại huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng; Nghiên cứu xây dựng mô hình du lịch dựa vào cộng đồng tại tỉnh Lâm Đồng; Du lịch canh nông kết hợp trải nghiệm văn hóa Châu Mạ tại Bảo Lộc; Ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại Lâm Đồng; Giải pháp phát triển tín dụng ngân hàng thương mại góp phần phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Lâm Đồng*, nhiều giải pháp hữu ích trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Lâm Đồng có sự khác biệt chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn khi áp dụng tại tỉnh Lâm Đồng nói riêng và tại Việt Nam nói chung.

Đối tượng cây dược liệu tại Lâm Đồng đã và đang được tập trung triển khai nghiên cứu và phát triển thành các sản phẩm phục vụ nhu cầu thị trường như: sản xuất cao khô từ lá dâu tằm; sản xuất trà dược liệu túi lọc từ cây lan gấm, lá húng chanh; quy trình nhân giống và nuôi trồng cây Sói rừng (*Sarcandra glabra*) dùng làm dược liệu; trồng, nhân giống và sản xuất trà túi lọc từ cây trà hoa vàng.

Trình độ công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đã được đánh giá toàn diện theo các chỉ số T (Technoware), H (Humanware), I (Infoware), O (Orgaware) cho từng lĩnh vực chế biến thông qua đề tài nghiên cứu cùng tên. Nghiên cứu cũng đã xác định các nhóm giải pháp, đề xuất định hướng nhằm nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất cho doanh nghiệp thuộc lĩnh vực chế biến nông sản giai đoạn 2021-2025.

Ngoài ra, Sở KH&CN cũng hỗ trợ 01 doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm Gạo nếp quýt Đạ Tẻh. Phối hợp triển khai thực hiện Đề án xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành thành phố thông minh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất nông nghiệp.

Hỗ trợ về hoạt động kết nối, tư vấn doanh nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo

Giai đoạn 2016-2020, Sở KH&CN đã hỗ trợ 10 doanh nghiệp tham gia sự kiện “Ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ”; “Techdemo - Kết nối cung - cầu công nghệ và xúc tiến đầu tư”; “Kết nối ý

tường”. Qua đó, đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp trình diễn, giới thiệu các sản phẩm mới; kết nối cung và cầu công nghệ với các đối tác trong và ngoài nước, phục vụ nhu cầu ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ.

Năm 2018, UBND tỉnh đã tổ chức Diễn đàn kết nối doanh nghiệp với 17 ý tưởng, doanh nghiệp khởi nghiệp với sự tham dự của 418 doanh nghiệp, nhà đầu tư, các sinh viên, thanh niên và các cơ quan nhà nước có liên quan. Đã có 66 thỏa thuận được doanh nghiệp ký kết với các nhà khởi nghiệp với tổng giá trị đầu tư là 28,5 tỷ đồng (7 thỏa thuận đề nghị mua lại 3 dự án; 39 thỏa thuận đề nghị góp vốn đầu tư; 20 thỏa thuận đề nghị bao tiêu sản phẩm, hỗ trợ kết nối thương mại).

Tại Hội thảo kết nối đầu tư và tư vấn hỗ trợ khởi nghiệp trong khuôn khổ Ngày hội khởi nghiệp tỉnh Lâm Đồng năm 2020, đã diễn ra hoạt động phổ biến các cơ chế liên quan đến hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp; trao đổi nhu cầu của doanh nghiệp và các ý tưởng, dự án khởi nghiệp. Đã thực hiện 55 lượt tư vấn về khởi nghiệp, qua đó có 30 lượt kết nối giữa nhà đầu tư và dự án khởi nghiệp; giữa các doanh nghiệp và dự án khởi nghiệp; giữa các dự án khởi nghiệp, trong đó có 20 lượt ý tưởng, dự án đã được ký thỏa thuận.

Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2021; trong đó, Sở KH&CN đã tổ chức Cuộc thi Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh Lâm Đồng và trưng bày giới thiệu

sản phẩm khởi nghiệp trên nền tảng thực tế ảo. Cuộc thi thu hút 170 dự án, ý tưởng tham gia; kết quả có 14 ý tưởng, dự án đã đạt giải. Tổ chức hội thảo thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; thông qua hội thảo, những cơ chế, chính sách về hỗ trợ hoạt động hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, ký kết hợp tác giữa các đơn vị trong hệ sinh thái khởi nghiệp được trao đổi, thảo luận.

Hỗ trợ về sở hữu trí tuệ

Tham mưu UBND tỉnh đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” sử dụng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ chức, cá nhân sản xuất rau, hoa, cà phê Arabica, du lịch canh nông trên địa bàn. Đến nay, UBND thành phố Đà Lạt đã cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” cho hơn 420 tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố Đà Lạt và các huyện phụ cận; tổ chức 4 lớp tập huấn Quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” và Hướng dẫn và áp dụng nhãn hiệu chứng nhận “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” cho 100 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Hỗ trợ các địa phương (chủ nhãn hiệu) thực hiện đăng ký xác lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể. Thông qua việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ đã góp phần tăng sản lượng tiêu thụ, giá trị sản phẩm, thúc đẩy ngành nông nghiệp của tỉnh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân.

Phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ

KH&CN), Cục Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tổ chức 10 lớp tập huấn, hội nghị về sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao nhận thức về hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ, công tác quản trị tài sản trí tuệ và điều kiện thực hiện việc quản trị; khai thác quyền sở hữu trí tuệ và biện pháp bảo vệ quyền.

Hướng dẫn gần 1.000 lượt cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp về tài sản trí tuệ, tạo động lực cho sự phát triển bền vững và tăng khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập.

Hoạt động hỗ trợ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp, hợp tác xã trong thời gian qua đã được Nhà nước quan tâm, hỗ trợ kịp thời, góp phần nâng cao năng lực, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, quảng bá thương hiệu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số khó khăn, tồn tại như:

- Việc triển khai còn gặp nhiều hạn chế do hệ thống pháp luật về KH&CN đang dần hoàn thiện; các văn bản hướng dẫn còn thiếu và chưa đồng bộ; việc thanh, quyết toán kinh phí còn phức tạp.

- Doanh nghiệp của tỉnh đa số có quy mô nhỏ và siêu nhỏ. Trình độ quản lý, sản xuất còn lạc hậu; khả năng ứng dụng, chuyển giao KH&CN còn nhiều hạn chế, sản xuất nhỏ lẻ, sức cạnh tranh sản phẩm chưa cao; một số ngành/nghề truyền

thống thiếu bền vững; điều kiện cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn, số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở còn thấp.

- Hoạt động kết nối cung - cầu, chuyển giao công nghệ giữa các doanh nghiệp, nhà sản xuất và cơ quan nghiên cứu KH&CN trong tỉnh chưa nhiều, chưa tạo lập và phát triển được thị trường KH&CN một cách ổn định, bền vững.

- Chính sách, thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn từ các quỹ, ngân hàng phục vụ đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Chính sách thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm nghiệp đối với các địa phương còn nhiều bất cập.

Một số giải pháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

Nhằm đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong điều kiện nguồn vốn ngân sách của địa phương còn hạn chế, cần tranh thủ tối đa các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, nguồn huy động thông qua hoạt động xã hội hóa trên một số lĩnh vực và đặc biệt là quan tâm hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nghiên cứu và ứng dụng KH&CN tại các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh hoạt động trong một số ngành/nghề, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ bảo vệ môi trường: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến, sản

xuất sạch trong công nghiệp chế biến nông, lâm, khoáng sản; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học: tế bào, gen, vi sinh trong sản xuất nông nghiệp an toàn, công nghiệp chế biến và bảo vệ môi trường; tăng cường chuyển giao ứng dụng KH&CN phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, phục vụ hiệu quả mục tiêu xây dựng nông thôn mới; nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong điều tra cơ bản, quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, dự báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Ứng dụng thành tựu Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 phù hợp vào các lĩnh vực: y tế, nông nghiệp, công nghiệp chế biến và chế tạo, giáo dục và đào tạo, dạy

ngành, giao thông, xây dựng, thông tin và truyền thông, tài nguyên và môi trường, quốc phòng, an ninh.

Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất nông nghiệp GlobalGAP, UTZ, Rainforest, Organic; ứng dụng công nghệ cao trong ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; ứng dụng công nghệ IoT trong quản lý chuỗi liên kết sản xuất, quản lý quy trình sản xuất, trí tuệ nhân tạo, xây dựng bigdata ngành nông nghiệp...; phát triển du lịch thông minh gắn với kinh tế số...

Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm thông qua các sự kiện kết nối cung - cầu. Chú trọng xây dựng thương hiệu, nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm làng nghề.



HOẠT ĐỘNG CHO VAY QUA VIỆC SỬ DỤNG CÁC PHƯƠNG TIỆN ĐIỆN TỬ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

ĐẶNG THỊ THANH THÙY

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng

Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng xác định mục tiêu và định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 là phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia. Tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến

năm 2030”, tài chính - ngân hàng được xác định là một trong 8 lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số do có thể thay đổi nhận thức nhanh nhất, giúp tiết kiệm chi phí và mang lại hiệu quả xã hội cao.

Nhận thức được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng sâu, rộng của Cách mạng công nghiệp 4.0 đối với ngành ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và ban hành các chính sách, kế hoạch lớn mang tính chất định hướng thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong hoạt động ngân hàng. Ngày 11/5/2021, Thống đốc

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Quyết định số 810/QĐ-NHNN phê duyệt *Kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Trên cơ sở đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng lấy ngày 11/5 làm “Ngày chuyển đổi số” của ngành ngân hàng.

Với tiếp cận “*Chuyển đổi số để tăng tốc và phát triển bền vững*”, nhiều ngân hàng, tổ chức tín dụng xem chuyển đổi số và việc phát triển mô hình, hoạt động ngân hàng số là một mục tiêu trong chiến lược kinh doanh và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Một số công nghệ, dịch vụ tiêu biểu về ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số ngành ngân hàng đã được triển khai như: dịch vụ ngân hàng trực tuyến, máy giao dịch ngân hàng tự động ATM, chi nhánh ngân hàng 4.0, các dịch vụ thanh toán hiện đại như QR code, Tap to pay (chạm và thanh toán), Livebank, thanh toán phi tiếp xúc,....

Cùng với sự phát triển đó, việc thực hiện các giao dịch trong hoạt động ngân hàng của người dân trở nên đơn giản, nhanh chóng, thuận tiện hơn rất nhiều, trong đó có giao dịch vay trực tuyến.

Vậy, vay trực tuyến qua ngân hàng là gì? Đặc điểm cơ bản sản phẩm cho vay trực tuyến qua ngân hàng? Quy trình thực hiện vay trực tuyến? Lãi suất và phí dịch vụ vay trực tuyến? Ưu nhược điểm của hình thức vay này? Những điều cần lưu ý khi vay tiền trực tuyến? Thực trạng

vay tiền trực tuyến trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Vay tiền trực tuyến qua ngân hàng là một dịch vụ cho vay trực tuyến qua ứng dụng (app) của ngân hàng cho phép người muốn vay vốn có thể vay tiền mà không cần đến ngân hàng.

Quy trình thực hiện đăng ký vay trực tuyến

Bước 1. Khách hàng đề nghị vay, nhập thông tin chứng minh nhân dân, email nhận hợp đồng, chọn sổ tiết kiệm đảm bảo khoản vay và xác thực cam kết tài sản đảm bảo tiền vay.

Bước 2. Hệ thống tự động xác định số tiền vay tối đa, lãi suất vay, thời gian vay tối đa.

Bước 3. Hệ thống xuất hiện bản hợp đồng vay và khách hàng xác thực đã đọc, hiểu và đồng ý với các điều khoản trong hợp đồng.

Bước 4. Khách hàng nhận thông báo cấp hạn mức thấu chi thành công qua tin nhắn trên app và hợp đồng cấp hạn mức thấu chi qua email.

Bước 5. Đến ngày đáo hạn, hệ thống tự động đóng hạn mức thấu chi, giải chấp tài sản đảm bảo, thu hồi nợ và đóng tài khoản thanh toán đã được cấp hạn mức thấu chi.

Trường hợp khách hàng có nhu cầu đóng hạn mức thấu chi trước hạn và trả nợ bằng nguồn vốn tự có khác, khách hàng sử dụng chức năng “*Chấm dứt hạn mức thấu chi*” trên app.

Đặc điểm cơ bản của sản phẩm cho vay trực tuyến

STT	Tiêu chí	Nội dung
1	Điều kiện khách hàng vay vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng cá nhân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam - Khách hàng không có nợ quá hạn tại ngân hàng - Khách hàng có tiền gửi tiết kiệm online (không phải tiết kiệm tích lũy) không bị phong tỏa và bảo đảm cho bất kỳ khoản vay nào
2	Mục đích vay vốn	Phục vụ nhu cầu đời sống
3	Phương thức cho vay	Cấp hạn mức thấu chi trên tài khoản tiền gửi thanh toán
4	Thời gian đăng ký vay	Từ 8h00 đến 20h00 tất cả các ngày trong tuần, gồm cả thứ bảy, chủ nhật và các ngày lễ, tết
5	Đồng tiền cho vay	Đồng Việt Nam (VND)
6	Tài sản đảm bảo	Tiền gửi tiết kiệm online trên app ngân hàng (không gồm tài khoản tiền gửi tích lũy)
7	Giá trị tài sản đảm bảo	Bảng số dư gốc khả dụng của tài khoản tiền gửi nhận cầm cố
8	Mức cho vay	<ul style="list-style-type: none"> - Tối đa 90% giá trị khả dụng của tài sản đảm bảo - Hạn mức thấu chi tối đa 1 tỷ đồng/khoản vay
9	Thời gian vay	Tối đa 12 tháng
10	Phương thức trả nợ gốc, lãi	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tự động thu nợ ngay khi phát sinh dư có trên tài khoản thanh toán. Khách hàng có thể nộp tiền hoặc chuyển tiền vào tài khoản thanh toán để trả nợ - Khách hàng chỉ bắt buộc phải trả toàn bộ nợ gốc lãi vào cuối kỳ khi hết thời gian vay
11	Hồ sơ vay vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng không phải cung cấp hồ sơ vay vốn khi khởi tạo khoản vay trên app ngân hàng (do khách hàng đã có hồ sơ tại ngân hàng thông qua việc cài đặt và sử dụng app và tài sản cầm cố là tiền gửi online không có ấn chỉ) - Hợp đồng tín dụng và văn bản phê duyệt của ngân hàng được lưu trữ dưới dạng hồ sơ điện tử

Lãi suất và phí dịch vụ vay trực tuyến tại ngân hàng

Thông thường lãi suất cho vay trực tuyến sẽ bằng lãi suất tiết kiệm đang đảm bảo cho khoản vay cộng 2,5%/năm. Ngân hàng không thu phí dịch vụ vay trực tuyến.

Một số ưu điểm của dịch vụ vay trực tuyến

Đáp ứng nhu cầu vốn mọi lúc, mọi nơi của khách hàng với thời gian xử lý nhanh chóng.

Khách hàng chỉ cần thao tác trên app

của ngân hàng, có kết nối internet mà không phải trực tiếp ra các điểm giao dịch ngân hàng.

Hệ thống xử lý tự động, không có con người can thiệp vào quy trình sử dụng sản phẩm dịch vụ của khách hàng.

Khách hàng gửi tiền, không cần tất toán trước hạn tiền gửi tiết kiệm mà vẫn được hỗ trợ tài chính để phục vụ đời sống.

Tiết kiệm chi phí in ấn, chi phí hoạt động, giảm thời gian tác nghiệp để giải phóng nhân viên ngân hàng.

Đa dạng hóa kênh phân phối sản phẩm phù hợp với chủ trương số hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng.

Mở rộng trải nghiệm số hóa dịch vụ ngân hàng hiện đại cho khách hàng.

Bên cạnh đó, dịch vụ vay trực tuyến cũng có một vài nhược điểm như: đa số đối tượng sử dụng vay trực tuyến là người trẻ, am hiểu và sử dụng các thiết bị điện tử; số tiền cho vay bị giới hạn; thiết bị điện tử phải được kết nối internet thì dịch vụ cho vay trực tuyến mới sử dụng được; một số rủi ro về thông tin khách hàng bị đánh cắp do khách hàng vào các trang web giả mạo, vào không đúng app của ngân hàng hoặc do bị kẻ xấu dùng các thủ đoạn lừa đảo khách hàng.

Một số vấn đề cần lưu ý khi vay trực tuyến tại ngân hàng

- Khách hàng cần được nhân viên ngân hàng hướng dẫn và tư vấn đầy đủ, chi tiết về cách thức sử dụng ứng dụng cho vay cũng như phổ biến các rủi ro có thể xảy ra khi sử dụng dịch vụ.

- Khách hàng cần tải và sử dụng

đúng ứng dụng cho vay trực tuyến của ngân hàng.

- Khách hàng phải bảo mật thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu được ngân hàng cấp khi sử dụng ứng dụng ngân hàng.

- Khách hàng cần đọc kỹ thông tin sản phẩm vay trực tuyến, nội dung điều khoản của hợp đồng vay trực tuyến trước khi xác thực các thông tin này.

- Tham khảo trải nghiệm vay trực tuyến của bạn bè, người thân về tính tiện lợi, lợi ích có được, thời gian phê duyệt, giải ngân khoản vay và quan trọng là cách xử lý sự cố khi vay trực tuyến.

Bên cạnh việc cho vay trực tuyến qua app ngân hàng, một số ngân hàng cũng cung cấp dịch vụ đăng ký nhu cầu vay online. Theo đó, khách hàng khi có nhu cầu vay trực tuyến, khách hàng sẽ vào đúng trang thông tin điện tử của ngân hàng để lại các thông tin như: tên, số điện thoại, địa chỉ mail, sản phẩm vay mong muốn, chi nhánh ngân hàng tư vấn. Trên cơ sở thông tin đó, nhân viên ngân hàng sẽ gọi điện tư vấn sản phẩm vay cho khách hàng.

Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, việc triển khai cho vay trực tuyến bắt đầu thử nghiệm vào tháng 12/2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank) và từ tháng 02/2022 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV). Cụ thể, tên sản phẩm vay trực tuyến tại Vietinbank là “*Thấu chi online phục vụ đời sống*”, tại BIDV là “*Cho vay cầm cố tiền gửi online*”

tự động”.

Qua số liệu thống kê của 3 chi nhánh ngân hàng thương mại có phát sinh cho vay trực tuyến, đến ngày 31/7/2022, tổng số hồ sơ cho vay qua app ngân hàng đã xử lý trong 7 tháng là 224 hồ sơ. Doanh số cho vay trong 7 tháng đầu năm là 47,8 tỷ đồng. Dư nợ đến ngày 31/7/2022 là 28 tỷ đồng với 33 hồ sơ còn dư nợ. Chưa phát sinh nợ xấu.

Số liệu thống kê trên cho thấy hoạt động cho vay trực tuyến trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng vẫn còn ở giai đoạn thử nghiệm, số liệu phát sinh chưa nhiều nhưng cho thấy dịch vụ này đã được người dân trên địa bàn tìm hiểu và trải nghiệm.

Nhìn chung, đối với ngân hàng dịch vụ cho vay trực tuyến này khá an toàn và đáp ứng nhu cầu vay vốn phục vụ đời sống của người dân một cách nhanh chóng, thuận tiện và hiệu quả. Hiện nay, bên cạnh việc cho vay trực tuyến qua ứng dụng ngân hàng, một số trung gian tài chính cũng thực hiện việc cho vay trực tuyến mà không cần tài sản đảm bảo. Người dân cần tỉnh táo, bình tĩnh trước những lời mời gọi từ điện thoại, tin nhắn, các ứng dụng cho vay khác ngoài ngân hàng để tránh tình trạng bị lừa đảo vừa mất tiền phí dịch vụ vay online mà không được giải ngân, vừa bị khủng bố đòi nợ, vừa bị lộ thông tin cá nhân.

CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI



VISAFE - INTERNET AN TOÀN CHỈ VỚI 1 CHẠM

Được phát triển bởi Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC) thuộc Cục An toàn thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông) và Tổng Công ty Truyền thông đa phương tiện (VTC). Ứng dụng Visafe hướng đến việc cảnh báo và bảo vệ người dân trên không gian mạng trước các nguy cơ đánh cắp thông tin và trang web độc hại.

Visafe hoạt động dựa trên việc chặn phân giải từ tên miền ra địa chỉ IP, giúp thiết bị không kết nối đến những mối nguy hại. Bằng cách chặn các kết nối nguy hiểm, Visafe giúp người dùng tránh khỏi phần lớn các cuộc tấn công mạng đến từ mã độc, các trang lừa đảo trực tuyến chỉ với 1 chạm.

Visafe còn tích hợp các công cụ khác như: cho phép người dùng chặn quảng

cáo hiển thị trên trang web hoặc thiết bị di động; chặn việc theo dõi dữ liệu người dùng; tự động cảnh báo người dùng ngay khi có kết nối đến các mối nguy hại; bảo vệ quyền riêng tư của người sử dụng khi truy cập hay sử dụng các phần mềm trên mạng.

Với ứng dụng này, Visafe sẽ hỗ trợ hoàn toàn miễn phí cho người dân tính năng chặn các quảng cáo không an toàn khiến thiết bị của người dùng có nguy cơ lây nhiễm mã độc. Đồng thời, Visafe sẽ giúp người dùng loại bỏ những kết quả tìm kiếm chứa các nội dung không phù hợp trên trình duyệt. Visafe được kỳ vọng sẽ trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực cho người dân mỗi khi tham gia vào môi trường mạng.

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Điện thoại: (+84) 24 3209 6789; Email: ncsc@ais.gov.vn

BBT tổng hợp

CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI

HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG BẰNG ĐÈN LED CHO CÁC CÂY RAU MẦM

Hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED cho các cây rau mầm do TS. Bùi Đình Tú, ThS. Nguyễn Đăng Cơ và nhóm nghiên cứu thuộc Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội nghiên cứu có tác dụng kích thích quá trình sinh trưởng của cây trồng trong nhà kính như rau, rau mầm họ đậu (đậu xanh, đậu tương, đậu đen), rau mầm họ cải (củ cải trắng, củ cải đỏ, củ cải ngọt), mầm rau muống, mầm hướng dương.

Hiện trong nông nghiệp, để kích thích sự phát triển của cây trồng, nông dân thường áp dụng kỹ thuật bón phân hoặc phun các chất kích thích sinh trưởng lên cây trồng. Tuy nhiên, các phương pháp này gây ô nhiễm môi trường do tồn dư hóa chất trong cây trồng, đất và nước. Vì vậy, nhóm tác giả đã triển khai nghiên cứu và thực nghiệm phương pháp chiếu sáng bằng đèn khác nhau như đèn sợi đốt, đèn compact hay đèn LED. Phương pháp này nhằm cung cấp ánh sáng để cây trồng có thể quang tổng hợp để phát triển. Hệ thống sử dụng đèn sợi đốt chi phí đầu tư thấp, nhưng hiệu suất phát quang thấp và 95% phát ra nhiệt năng nên thường tốn điện, tuổi thọ rất thấp. Đèn huỳnh quang có ưu điểm hơn đèn sợi đốt nhưng tiêu

hao điện năng, dễ cháy nổ và chứa hơi thủy ngân, ánh sáng phát không đều... Do đó, nhóm tác giả đã có cải tiến đối với hệ thống đèn chiếu sáng trong nông nghiệp với những loại đèn LED chuyên dụng cho phép chiếu sáng với các dải ánh sáng phổ hẹp với các bước sóng giúp cây trồng quang hợp một cách tốt nhất.

Sau khi tìm hiểu, nhóm tác giả đã nghiên cứu và đưa ra những cải tiến đối với hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED cho cây trồng để kích thích quá trình sinh trưởng cho cây rau mầm. Qua đó, hệ thống này đưa ra được dải bước sóng tối ưu cho cây trồng hấp thụ, cụ thể là đánh giá được cường độ tối ưu cho cây trồng, đặc biệt cây trồng trong nhà kính như cây rau, rau mầm. Hệ thống này gồm nguồn điện để cung cấp điện cho các đèn LED được điều khiển bởi bộ hẹn giờ, dây các đèn LED; hệ thống khay gieo trồng để nhận ánh sáng chiếu trực tiếp từ dây các đèn LED.

Hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED cho các cây rau mầm đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích (Quyết định số 1255/QĐ-SHTT ngày 24/01/2022).

Thông tin chi tiết xin liên hệ: Trường Đại học Công nghệ, Nhà E3, 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Điện thoại: 024.37547461; Email: uet@vnu.edu.vn.

BBT tổng hợp

TIN CẢNH BÁO

TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



BURUNDI, KENYA, RWANDA, TANZANIA, UGANDA

Sản phẩm điều chỉnh: Củ sắn ngọt dạng tươi.

Thông báo số: G/TBT/N/BDI/255, G/TBT/N/KEN/1276, G/TBT/N/RWA/685, G/TBT/N/TZA/809, G/TBT/N/UGA/1659, ngày 21 tháng 7 năm 2022.

Mô tả nội dung: Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với sắn củ ngọt dạng tươi giống *Manihot esculenta* Crantz sử dụng cho người.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:

Thông tin người tiêu dùng, nhãn mác; phòng, chống các hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người; yêu cầu chất lượng; sự hài hòa; giảm các rào cản thương mại và tạo thuận lợi cho thương mại; tiết kiệm chi phí và nâng cao năng suất.

Ngày cuối cùng để lấy ý kiến: 60 ngày kể từ ngày thông báo.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Cục Tiêu chuẩn quốc gia Uganda

Địa chỉ: Lô 2-12 ByPass Link, Khu Công nghiệp và Kinh doanh Bweyogerere

P.O. Box 6329, Kampala, Uganda

Điện thoại: + (256) 4 1733 3250/1/2

Fax: + (256) 4 1428 6123

Email: info@unbs.go.ug

Website: <https://www.unbs.go.ug>



BBT tổng hợp

TIN CẢNH BÁO

TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



BRAZIL

Sản phẩm điều chỉnh: Nước uống đóng chai và nước đá.

Thông báo số: G/TBT/N/BRA/1432, ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Mô tả nội dung: Nghị quyết này quy định các yêu cầu về vệ sinh đối với nước đóng chai và nước đá sử dụng cho người.

Nghị quyết là kết quả của việc hợp nhất các quy định trước đây, theo Quy định thực hành tốt và không thay đổi về nội dung.

Quy định này cũng sẽ được thông báo cho Ủy ban SPS.

Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng: Bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người.

Ngày đề xuất thông qua: 01/9/2022.

Ngày đề xuất có hiệu lực: 01/9/2022.

Ngày cuối cùng để lấy ý kiến: Không áp dụng.

Cơ quan chịu trách nhiệm: Viện Đo lường Chất lượng và Công nghệ Quốc gia (INMETRO)

Điện thoại: + (55) 21 2145.3817

Fax: + (55) 21 2563.5637

Email: barreirastecnicas@inmetro.gov.br

Website: www.inmetro.gov.br/barreirastecnicas



BBT tổng hợp



SẢN XUẤT THÔNG MINH TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ về phương thức sản xuất và tiêu dùng nhờ vào sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ. Cùng với sự phát triển của các công nghệ internet vạn vật (Internet of Things, IoT), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence, AI) hay điện toán đám mây (Cloud computing), “sản xuất tự động hóa” trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 3 sẽ chuyển sang “sản xuất thông minh” (Smart manufacturing).

Cách mạng công nghiệp 4.0 đã hình thành nên một nền sản xuất đặc biệt, đó là sản xuất thông minh. Sản xuất thông minh được đặc trưng bởi hệ thống thực - ảo (Cyber Physical Systems, CPS); trong

đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại sẽ mang lại các lợi thế về chất lượng, thời gian và chi phí so với sản xuất truyền thống. Sản xuất thông minh được thiết kế theo mô hình tích hợp giữa hoạt động sản xuất và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một thể thống nhất, giúp doanh nghiệp có khả năng thích ứng, tự thích ứng, đáp ứng linh hoạt, hạn chế rủi ro và phát triển bền vững.

Đây là giải pháp giúp doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số thành công trong Cách mạng công nghiệp 4.0; giúp doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí, thời gian, tạo ra sự kết nối giữa các đối tượng sản xuất (máy móc, phương tiện, quy trình sản xuất...).

Sản xuất thông minh là gì ?

Cho đến nay, 3 cuộc cách mạng công nghiệp đã dẫn đến những thay đổi “mang tính cách mạng” về mô hình và phương thức sản xuất: sản xuất cơ giới hóa thông qua động cơ hơi nước (trong cách mạng công nghiệp lần thứ nhất) được “phát triển” thành sản xuất hàng loạt trong các dây chuyền lắp ráp dựa trên sự phân công lao động (trong cách mạng công nghiệp lần thứ hai) và sản xuất tự động hóa dựa trên nền tảng điện tử và công nghệ thông tin để tự động hóa hơn nữa việc sản xuất (trong cách mạng công nghiệp lần thứ ba).

Cách mạng Công nghiệp 4.0 được đặc trưng bởi ứng dụng Internet kết nối vạn vật (Internet of Things, IoT), Internet kết nối dịch vụ (Internet of Services, IoS) vào quá trình sản xuất của doanh nghiệp, cho phép hệ thống sản xuất của doanh nghiệp được tích hợp đa chiều và trở nên “thông minh hơn”. Sản xuất thông minh là quá trình sản xuất linh hoạt, có thể thay thế quá trình sản xuất tự động hóa nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Theo Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Quốc gia Hoa Kỳ (National Institute of Standards and Technology, NIST), sản xuất thông minh là hệ thống được tích hợp đầy đủ, thích ứng với điều kiện thay đổi trong mạng lưới cung ứng tổng thể của doanh nghiệp và nhu cầu của khách hàng trong thời gian thực.

Do đó, sản xuất thông minh tích hợp các thiết bị sản xuất với các cảm biến, nền tảng điện toán, công nghệ truyền thông, mô hình hóa dữ liệu, điều khiển,

mô phỏng và kỹ thuật dự đoán. Sản xuất thông minh sử dụng các công nghệ về “Hệ thống thực ảo”, internet vạn vật, điện toán đám mây, điện toán phục vụ, trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu... đưa sản xuất chính thức trở thành trụ cột quan trọng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Một số đặc điểm chính của sản xuất thông minh

Thứ nhất là tính kết nối. Kết nối là một đặc điểm quan trọng của sản xuất thông minh. Thiết bị trong sản xuất thông minh được kết nối với nhau thông qua hệ thống mạng để có thể truyền thông tin, dữ liệu. Dữ liệu này được truyền theo thời gian thực (real-time). Truyền dữ liệu theo thời gian thực cho phép tăng cường khả năng hợp tác nội bộ (giữa các bộ phận) trong doanh nghiệp, hợp tác nhanh chóng và hiệu quả giữa các nhà sản xuất và nhà cung cấp.

Thứ 2 là tính tối ưu hóa, tối ưu hóa trong sản xuất thông minh được hiểu như sau: một doanh nghiệp có năng lực sản xuất “tin cậy”, có thể dự đoán được nhu cầu thị trường và người tiêu dùng, hiệu quả sản xuất cao, chất lượng sản phẩm cao và chi phí sản xuất thấp. Tính tối ưu hóa của sản xuất thông minh được thực hiện thông qua tự động hóa. Tự động hóa thông minh sẽ làm giảm đáng kể sự can thiệp của con người, giúp giảm số lượng lỗi trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Thứ 3 là tính minh bạch, hạn chế của sản xuất truyền thống là khó khăn trong việc lưu trữ, sử dụng và khai thác một nguồn dữ liệu chính xác do hệ thống dữ liệu của quá trình sản xuất không được quản lý đồng bộ. Trong sản xuất thông

minh, nguồn dữ liệu này là duy nhất, được lưu trữ, sử dụng và khai thác minh bạch. Trong quá trình sản xuất, dữ liệu được lưu giữ theo thời gian thực, vì vậy, doanh nghiệp có thể truy cập để xác định số lượng khách hàng và nhu cầu của khách hàng trong tương lai.

Thứ 4 là tính chủ động, một đặc điểm khác của sản xuất thông minh là tính chủ động do các công nghệ được áp dụng trong quá trình sản xuất. Các cảm biến trong sản xuất thông minh không chỉ cho biết số lượng các sản phẩm hiện có mà sẽ tự động kết nối với bộ phận kinh doanh của doanh nghiệp để giảm hàng tồn kho xuống dưới một mức thấp nhất. Hệ thống thiết bị sản xuất tích hợp với công nghệ thông tin cho phép xác định sự “bất thường” trong quá trình sản xuất, qua đó cho phép doanh nghiệp chủ động ngăn chặn các vấn đề “bất lợi” trước khi xảy ra..

Thứ 5 là tính linh hoạt, đây là đặc điểm chính cuối cùng của sản xuất thông minh. Linh hoạt trong sản xuất thông minh nghĩa là có thể nhanh chóng phản ứng với những thay đổi của môi trường và yêu cầu của khách hàng. Doanh nghiệp xây dựng cấu hình thiết bị, sơ đồ vận hành sản xuất để bảo đảm đáp ứng “nhanh nhất” với những thay đổi trong nhu cầu sản xuất.

Nền tảng cốt lõi của sản xuất thông minh

Nền tảng cốt lõi của sản xuất thông minh là “Hệ thống thực ảo” (Cyber Physical Systems, CPS) bao gồm: “hệ thống sản xuất thực” (hệ thống sản xuất vật lý) gồm: máy móc, phương tiện, các quy trình sản xuất... và “hệ thống

sản xuất ảo” (hệ thống sản xuất mạng) gồm: công nghệ nhận dạng qua tần số vô tuyến (Radio Frequency Identification, RFID), công nghệ cảm biến, công nghệ vi xử lý, công nghệ thông tin viễn thông; “hệ thống nhúng” (Embedded Systems, ES)... Trong sản xuất thông minh, khoa học máy tính và công nghệ thông tin đã “thu hẹp” không gian của hệ thống sản xuất trên thực tế hiện nay.

“Hệ thống thực ảo” cung cấp cái nhìn tổng quan về sản xuất thông minh đối với vòng đời của một sản phẩm, bắt đầu từ giai đoạn thiết kế sản phẩm, sản xuất, kinh doanh, bảo trì và khai thác sản phẩm đó. “Hệ thống thực ảo” cho phép tối ưu hóa quá trình trao đổi thông tin cần thiết để sản xuất, đồng thời kiểm soát toàn bộ quy trình sản xuất dựa trên nền tảng IoT. Thông qua “hệ thống sản xuất ảo” với sự tích hợp của hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm ứng dụng, “Hệ thống thực ảo” được kích hoạt bởi sự tham gia của con người, máy móc, thiết bị. Hay nói cách khác, con người không chỉ tham gia trực tiếp vào quản lý và kiểm soát hệ thống sản xuất thông minh; con người (bao gồm: nhà sản xuất, người tiêu dùng...) được “nhúng” vào trong hệ thống sản xuất thông minh thành một thể thống nhất.

Trái ngược với các hệ thống sản xuất thông thường hiện nay, “Hệ thống thực ảo” có thể được coi là hệ thống của các hệ thống với sự tham gia của nhiều lĩnh vực khác như: kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện, khoa học máy tính...

Sự chuyển đổi nền công nghiệp truyền thống hiện nay sang cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 gắn liền với việc hình thành và phát triển hệ thống sản xuất

thông minh, “Hệ thống thực ảo” sẽ tạo ra nhiều thách thức mới về công nghệ, mô hình tổ chức sản xuất và thậm chí là đối với người lao động trong doanh nghiệp. Con người, máy móc... và “Hệ thống sản xuất ảo” sẽ tương tác chặt chẽ, hiệu quả và an toàn với nhau thông qua các giao diện phù hợp để hình thành nên mô hình kinh doanh sáng tạo mới (Business Model, BM), giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, đạt lợi nhuận cao.

Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đó là sản xuất thông minh và các ý tưởng đổi mới sáng tạo khác sẽ là nền tảng vững chắc để giúp các doanh nghiệp vượt qua những thách thức này, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện quá trình chuyển đổi sản xuất truyền thống sang sản xuất thông minh.

Lợi ích của sản xuất thông minh

Cải thiện năng suất

Các quy trình sản xuất thông minh cho phép truy cập, sử dụng và khai thác nhiều hơn hệ thống dữ liệu trong mạng lưới chuỗi cung ứng. Dữ liệu theo thời gian thực sẽ giúp doanh nghiệp dự báo năng lực sản xuất để đáp ứng “hiệu quả nhất” yêu cầu của thị trường và khách hàng. Qua đó, doanh nghiệp sẽ cung cấp các sản phẩm cần thiết, không bị dư thừa, tồn kho, giảm lãng phí... do đó, tác động trực tiếp vào việc nâng cao năng suất của doanh nghiệp.

Tạo ra các sản phẩm mới và chất lượng cao hơn

Khi năng suất được cải thiện, doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được tài chính để đầu tư vào hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Việc phân tích dữ liệu lớn trong

sản xuất thông minh giúp doanh nghiệp thấy được nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm của doanh nghiệp, qua đó tập trung phát triển các sản phẩm mới, có chất lượng cao hơn.

Tạo ra lực lượng lao động am hiểu công nghệ

Áp dụng sản xuất thông minh là một cách thức để doanh nghiệp thu hút lực lượng lao động trẻ, am hiểu công nghệ vì sản xuất thông minh dựa chủ yếu vào nền tảng các công nghệ trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Sử dụng cơ sở dữ liệu thống nhất và minh bạch trong sản xuất thông minh giúp nhân viên có thể tìm thấy các cơ hội mới để phát triển sản phẩm và tăng năng suất. Do đó, bản chất của sản xuất thông minh lại là sự thu hút một lực lượng lao động đông đảo, có khả năng và trình độ am hiểu công nghệ cao.

Sử dụng hiệu quả năng lượng

Sản xuất thông minh giúp tối ưu hóa quá trình sản xuất, qua đó có thể giảm lượng khí thải carbon thông qua việc giảm chất thải trong quá trình sản xuất. Đặc biệt, đối với các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng, sản xuất thông minh sẽ là công cụ đặc biệt để giúp doanh nghiệp sử dụng tiết kiệm năng lượng, không chỉ giảm chất thải mà còn giúp giảm giá thành sản phẩm.

Mở rộng không gian sản xuất

Sản xuất thông minh không chỉ giới hạn ở các điều kiện sản xuất tại một đơn vị sản xuất, mà có thể được tối ưu hóa theo mạng lưới của nhiều đơn vị sản xuất trong cùng hệ thống.

BBT tổng hợp